CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Kim khí Miền Trung

Ngày 30/06/2025	11,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	22.9%	**35.0%**	**26.7%**

DT thuần
Q2/25
1,381
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 184| 15.3%
YoY: ▲ 364| 35.7%

LN thuần
Q2/25
4.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.98| 32.4%
YoY: ▲ 2.25| 129%

LN sau thuế
Q2/25
2.63
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.61| 30.0%
YoY: ▲ 1.75| 199%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
1.0%
YoY: +/-▲ 0.0%

ROE (TTM)
Q2/25
7.7%
YoY: +/-▲ 1.2%

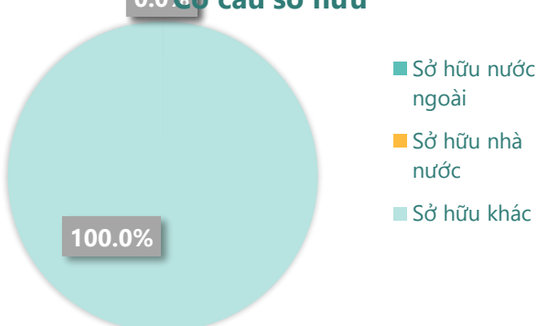
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,762 - 10,764
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	113
Số lượng CPLH (CP)	9,846,562
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.39
EPS	1,104
P/E	10.4

DT thuần
6T 2025
2,578
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 478| 22.7%

LN thuần
6T 2025
7.02
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.69| 10.8%

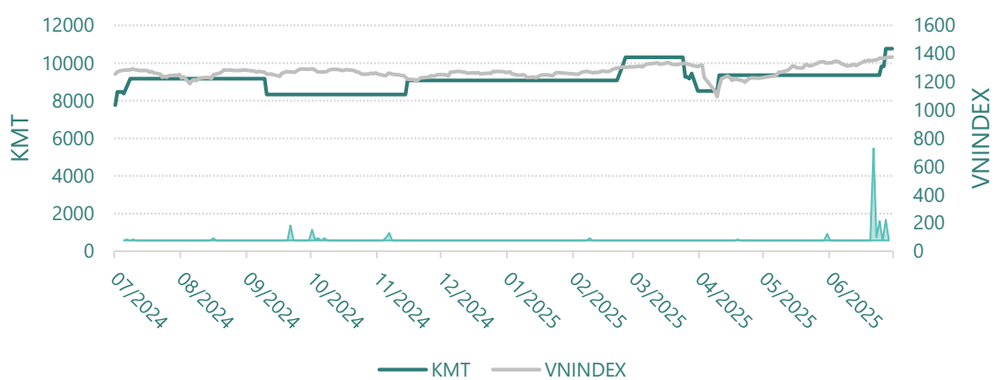
LN sau thuế
6T 2025
4.65
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.15| 3.3%

Cơ cấu sở hữu

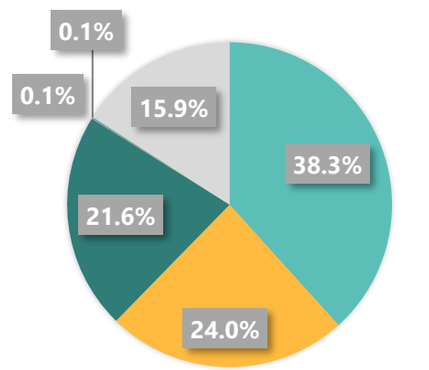


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

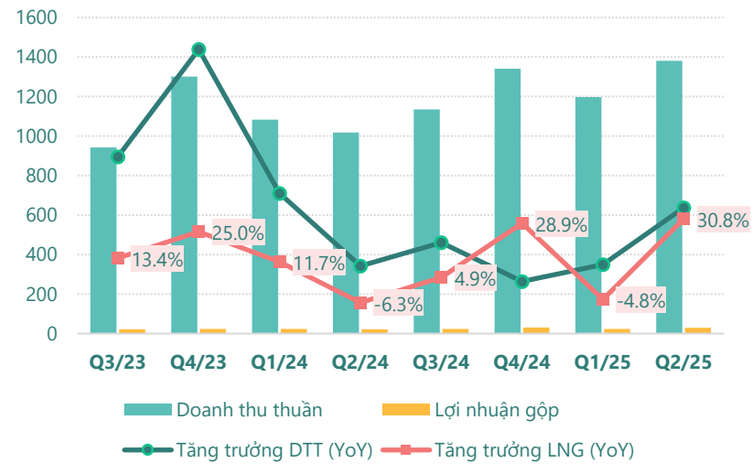


- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
- Vũ Thu Ngọc
- Nguyễn Thị Hồng Huệ
- Nguyễn Thị Mãi
- Ngô Văn Phong
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

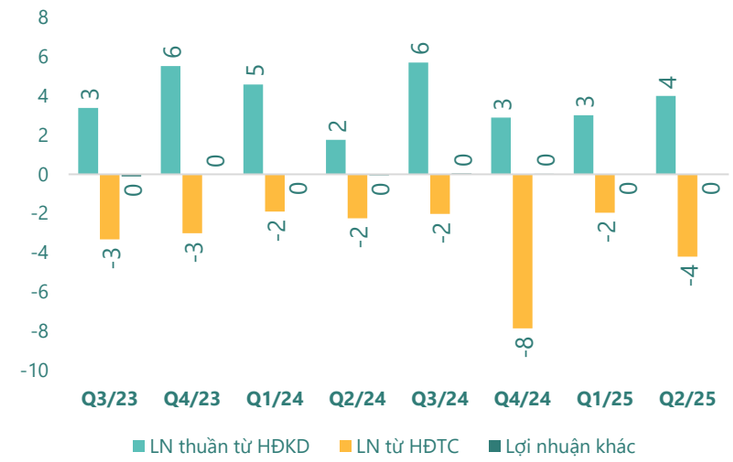
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



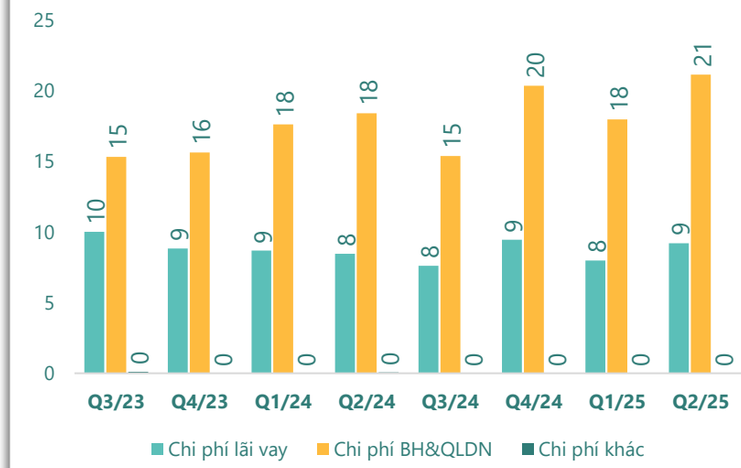
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



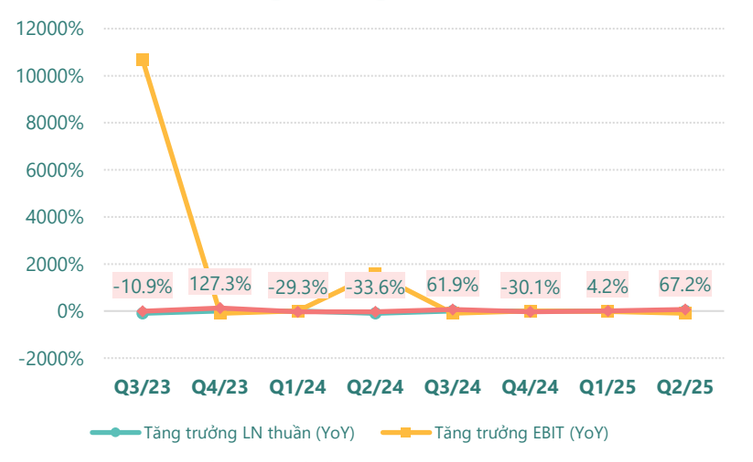
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



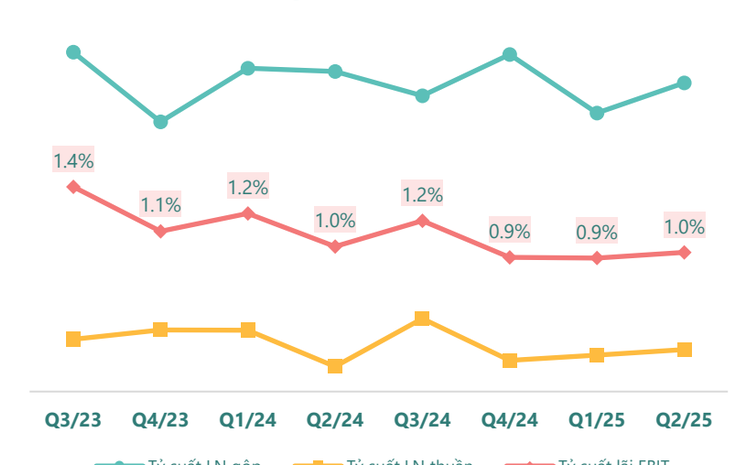
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



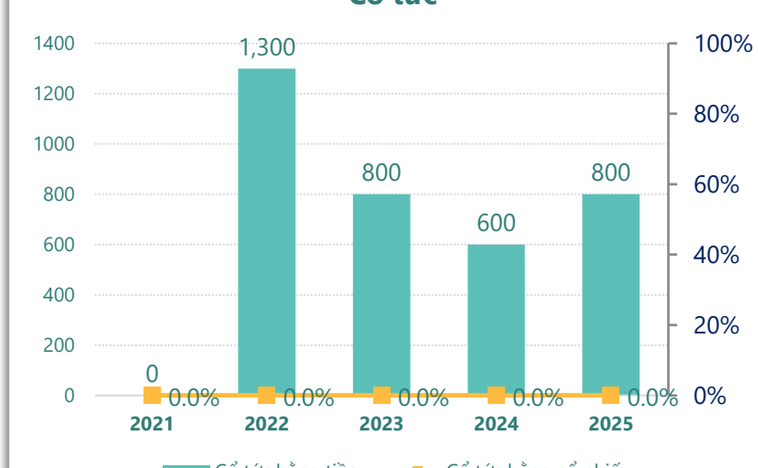
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

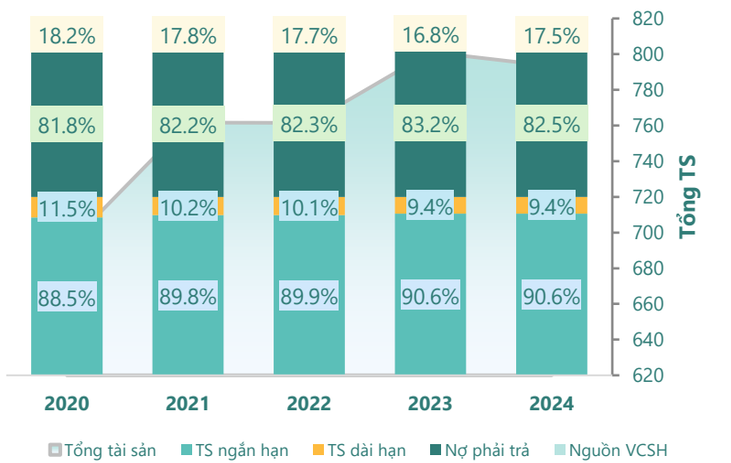
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

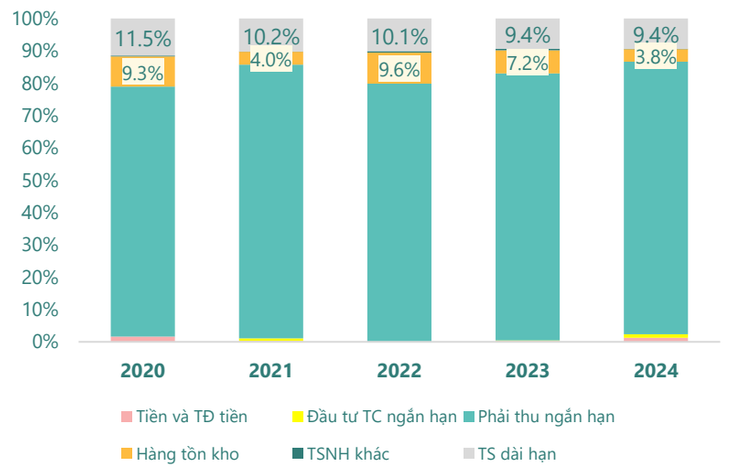
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



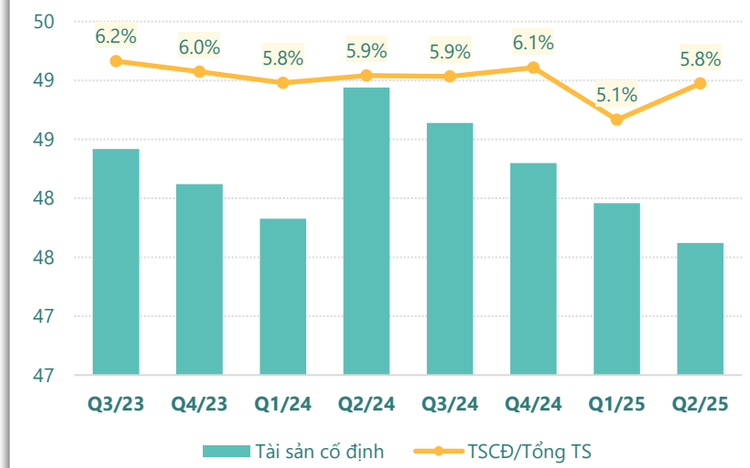
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



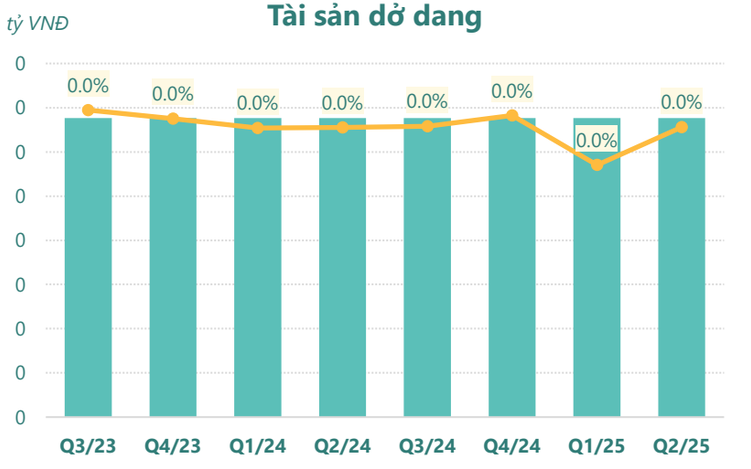
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



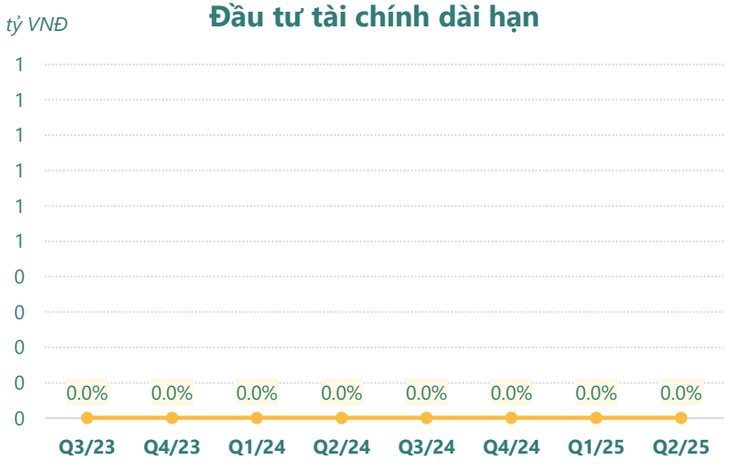
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



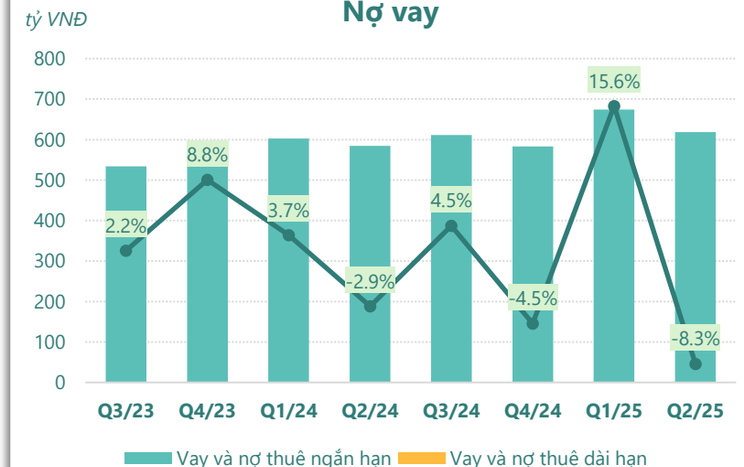
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

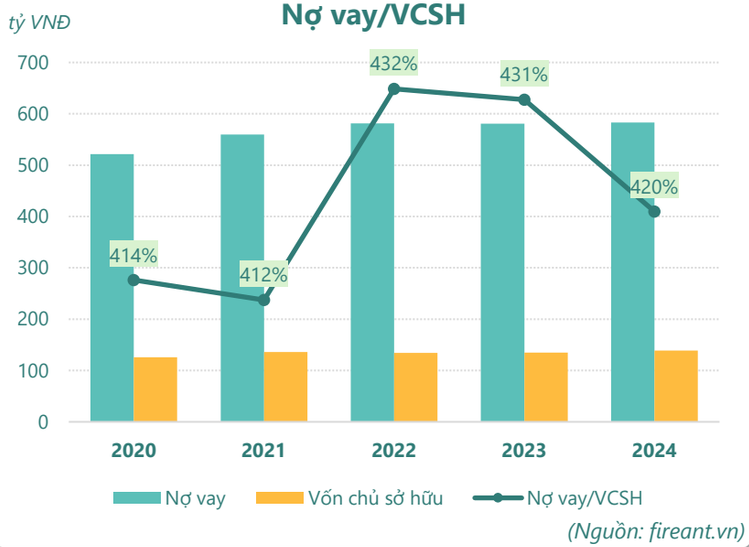
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

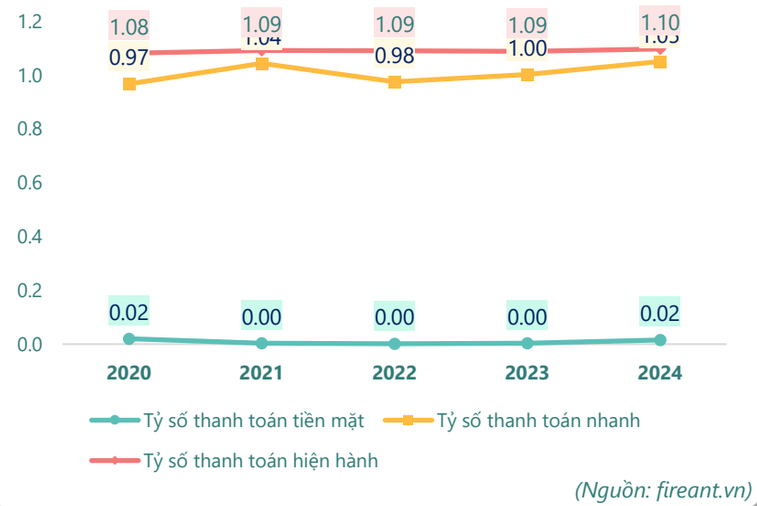
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



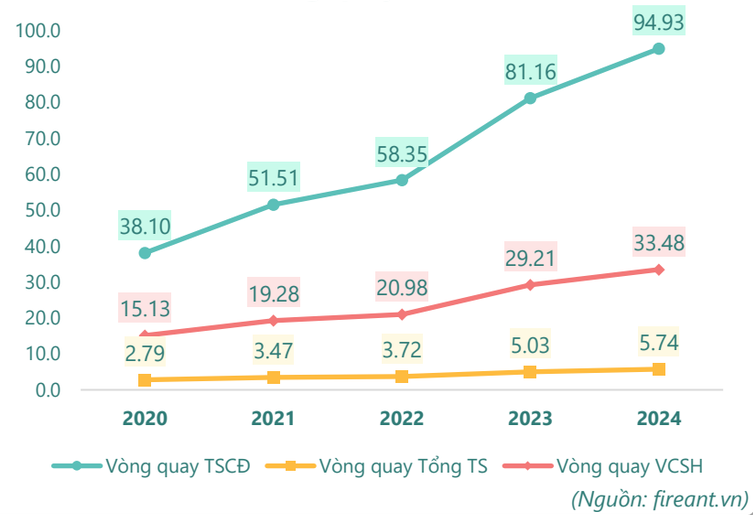
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



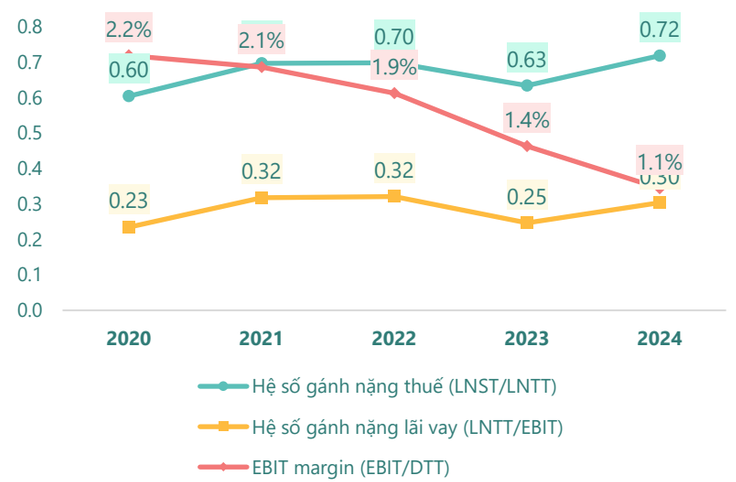
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



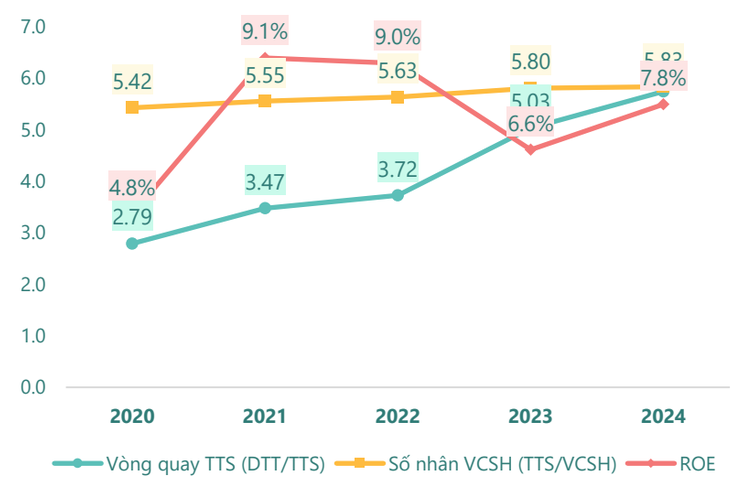
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



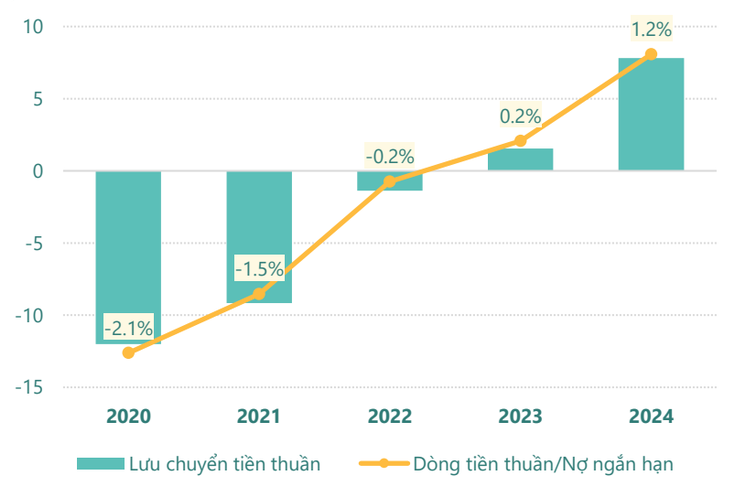
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,381**	**1,017**	**35.7%**	**2,578**	**2,100**	**22.7%**
Giá vốn hàng bán	1,351	995	35.8%	2,526	2,054	23.0%
Lợi nhuận gộp	29.4	22.4	31.0%	52.3	46.6	12.3%
Doanh thu HĐTC	5.09	6.26	-18.7%	11.0	13.1	-16.1%
Chi phí TC	9.29	8.51	9.1%	17.1	17.2	-0.6%
Chi phí lãi vay	9.22	8.46	9.0%	17.2	17.2	0.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	20.5	17.2	19.4%	38.1	33.9	12.2%
Chi phí QLDN	**0.62**	**1.20**	**-48.7%**	**1.09**	**2.15**	**-49.4%**
LN thuần từ HĐKD	4.00	1.75	129%	7.02	6.33	10.8%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.06**	**99.7%**	**0.00**	**-0.06**	**99.2%**
LN trước thuế	4.00	1.70	135%	7.01	6.28	11.8%
Lợi nhuận sau thuế	**2.63**	**0.88**	**199%**	**4.65**	**4.50**	**3.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.63**	**0.88**	**199%**	**4.65**	**4.50**	**3.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-18.1	15.2	-19.7	36.5	-95.9	59.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.98	2.60	-1.06	0.11	-0.29	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	21.2	-17.8	20.6	-27.8	91.1	-55.8
Tiền đầu kỳ	2.47	1.63	1.65	1.45	10.3	5.16
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.84**	**0.02**	**-0.20**	**8.85**	**-5.12**	**3.82**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	-0.03	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	1.63	1.65	1.45	10.3	5.16	8.98

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**825**	**793**	**4.0%**
Tài sản ngắn hạn	751	719	4.6%
Tiền và tương đương tiền	8.98	10.3	-12.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.85	8.35	6.0%
Phải thu ngắn hạn	711	669	6.2%
Hàng tồn kho	22.2	30.5	-27.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.72	0.60	21.2%
Tài sản dài hạn	**73.8**	**74.7**	**-1.2%**
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản cố định	47.6	48.3	-1.4%
Bất động sản đầu tư	21.2	21.6	-1.9%
Tài sản dở dang	0.14	0.14	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.77**	**4.60**	**3.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	683	655	4.3%
Nợ ngắn hạn	**683**	**655**	**4.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	619	583	6.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.4	1.77	1564%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**142**	**139**	**2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**142**	**139**	**2.7%**
Vốn điều lệ	98.5	98.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)